

Số: ~~2459~~ /QĐ-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đã hoàn thành khóa học và cấp Chứng chỉ
Ứng dụng CNTT Cơ bản cho các học viên thi Đợt tháng 4/2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-ĐHDT ngày 31/7/2014 của Hiệu trưởng về việc thành lập Trung tâm Tin học Duy Tân trực thuộc Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ trưởng Bộ thông tin truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHDT ngày 12/5/2017 của Hiệu trưởng về việc giao nhiệm vụ cho Trung tâm Tin học Duy Tân đào tạo, sát hạch và cấp Chứng chỉ Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 18/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Duy Tân v/v bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-ĐHDT ngày 10/02/2022 về việc thành lập Hội đồng thi Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ Thông tin Cơ bản và Nâng cao năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 22/3/2022 về việc cho phép học viên dự thi Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Cơ bản Đợt tháng 4 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đã hoàn thành khóa học và cấp Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Cơ bản cho:

+ 177 học viên thi Đợt tháng 4/2022 (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Các Khoa, Phòng, Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- VP Trường;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VP TTTH.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Phi Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH HỌC VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - ĐỢT THÁNG 4/2022
SỐ LƯỢNG: 177 Chứng chỉ

Danh sách này kèm theo Quyết định số: 1459 /QĐ-ĐHDT ngày 21 tháng 4 năm 2022

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THỬ	GHI CHÚ
1	24207100444	Ngô Hữu Minh	Thư	18/05/2000	Đắk Lắk	26CBN3	7.3	6.3	
2	24217105151	Trần Minh	Hiếu	29/09/2000	Đà Nẵng	26TSC9	8.3	5.0	
3	24212216381	Trịnh Hoàng	Hòa	01/05/2000	Đắk Lắk	27CSC1	9.3	9.5	
4	24207206132	Huỳnh Thị Trúc	Tiên	18/11/2000	Đà Nẵng	27CSC1	5.0	5.0	
5	24202116155	Võ Thị Thu	Hiền	03/08/2000	Bình Định	27CYC2	9.3	5.0	
6	24207104171	Đặng Thị Lan	Anh	01/01/2000	Hà Tĩnh	27SHT1	9.7	5.9	
7	24207107222	Trần Thị Thanh	Thúy	04/12/2000	Đắk Lắk	27SHT1	9.0	8.5	
8	24207200224	Nguyễn Như	Thùy	09/11/2000	Đắk Lắk	27SHT2	5.0	7.5	
9	24203207524	Trương Thu	Hằng	19/07/2000	Quảng Trị	27TBN2	10.0	5.5	
10	25202701408	Lê Thị Mỹ	Hạnh	20/09/2001	Quảng Ngãi	27TBN2	6.0	8.5	
11	24207106505	Y	Thư	12/05/2000	Kon Tum	27TBN5	9.7	6.0	
12	24207116015	Nguyễn Thị	Biển	04/05/2000	Hà Tĩnh	27TBN8	6.7	6.0	
13	25203100634	Đỗ Thị Thùy	Dương	28/01/2001	Kon Tum	27TBN8	6.7	6.3	
14	192139397	Trần Lê Hương	Giang	19/06/2002	Thừa Thiên Huế	27TBN8	6.0	9.3	
15	25202115732	Võ Thị Kim	Hiền	26/04/2001	Quảng Nam	27TBN8	6.0	7.0	
16	25213203314	Ngô Văn	Hoà	11/05/2001	Gia Lai	27TBN8	7.3	5.0	
17	24217103557	Trần Phúc	Hưng	24/09/2000	Quảng Nam	27TBN8	7.0	5.0	
18	24213405618	Nhân Đức Anh	Khoa	22/06/2000	Đà Nẵng	27TBN8	6.7	6.5	
19	24207215129	Huỳnh Thu Hoài	Linh	19/05/2000	Quảng Nam	27TBN8	9.3	5.0	
20	25202108938	Phan Thị Mỹ	Linh	09/11/2001	Thừa Thiên Huế	27TBN8	7.3	9.3	
21	24203104077	Trần Thị Mỹ	Linh	22/10/2000	Kon Tum	27TBN8	8.0	7.3	
22	2221532361	Trần Quang	Lộc	27/01/1998	Gia Lai	27TBN8	8.3	8.6	
23	25202400447	Ngô Thị	Ly	06/02/2001	Quảng Nam	27TBN8	9.0	7.0	
24	25202112685	Võ Thị Ánh	Ly	04/07/2001	Thừa Thiên Huế	27TBN8	6.0	6.4	
25	24203107642	Nguyễn Thị Sao	Mai	09/10/2000	Đà Nẵng	27TBN8	8.0	7.3	
26	25203203626	Bùi Thị Thảo	Nguyên	18/03/2001	Bình Định	27TBN8	8.0	7.1	
27	25203202436	Lê Thị Thảo	Nguyên	22/02/2001	Gia Lai	27TBN8	7.7	6.4	
28	24205212091	Nguyễn Lê Minh	Nhật	18/11/2000	Khánh Hòa	27TBN8	8.3	9.5	



Handwritten signature and initials.

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
29	25203205449	Lê Thị Yến	Nhi	28/02/2001	Quảng Nam	27TBN8	5.0	5.0	
30	2320315810	Nguyễn Thị Mỹ	Nhi	28/08/1999	Quảng Bình	27TBN8	7.3	7.3	
31	25207213477	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	29/10/2001	Quảng Nam	27TBN8	9.7	6.5	
32	25202104767	Trần Thị Cẩm	Quỳnh	18/08/2001	Bình Định	27TBN8	8.3	8.3	
33	25202113869	Nguyễn Diễm	Quỳnh	04/01/2001	Quảng Bình	27TBN8	7.3	5.0	
34	25203209874	Trần Thị Diễm	Quỳnh	25/02/2001	Kon Tum	27TBN8	8.7	6.5	
35	24203115109	Doãn Thị Thanh	Tâm	18/03/2000	Thừa Thiên Huế	27TBN8	7.7	5.8	
36	192139645	Nguyễn Văn	Thọ	29/10/2002	Thừa Thiên Huế	27TBN8	8.3	9.6	
37	24205213544	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	22/06/2000	Lâm Đồng	27TBN8	7.3	9.9	
38	25202116797	Nguyễn Thị Hoà	Thuận	22/05/2001	Đà Nẵng	27TBN8	6.3	8.4	
39	25202102219	Hoàng Thị Khả	Tú	10/09/2000	Gia Lai	27TBN8	6.0	6.4	
40	25207108636	Lê Tường	Vân	16/10/2001	Kon Tum	27TBN8	6.3	9.4	
41	24203206727	Võ Thị Thu	Vân	02/11/2000	Quảng Nam	27TBN8	6.0	7.0	
42	24207102382	Nguyễn Thị Mỹ	Vy	05/09/2000	Đà Nẵng	27TBN8	9.3	6.3	
43	24205416717	Nguyễn Bảo	Anh	12/02/2000	Quảng Trị	27TBN9	7.0	7.8	
44	25203115906	Trần Thị Kim	Anh	28/11/2001	Đắk Lắk	27TBN9	7.0	8.8	
45	24217204805	Nguyễn Hải	Âu	01/01/2000	Quảng Nam	27TBN9	8.0	9.3	
46	25213504740	Ngô Văn Quốc	Bảo	14/07/2001	Quảng Nam	27TBN9	7.0	7.8	
47	24217206693	Ngô Quốc	Đạt	05/04/2000	Quảng Nam	27TBN9	9.7	7.5	
48	25203111090	Võ Thị Thùy	Dung	27/08/2001	Bình Định	27TBN9	8.0	7.4	
49	25217105889	Ngô Quang	Duy	26/07/2001	Quảng Bình	27TBN9	6.3	6.5	
50	24215407455	Đào Ngọc	Hải	09/10/1999	Thái Bình	27TBN9	6.0	5.8	
51	24203101573	Nguyễn Thị	Hằng	05/04/2000	Hà Tĩnh	27TBN9	6.7	6.8	
52	25202111830	Đặng Thị Thu	Hoài	26/05/2001	Thừa Thiên Huế	27TBN9	8.0	8.3	
53	23216111900	Nguyễn Việt	Hoàng	12/11/1999	Gia Lai	27TBN9	6.0	6.3	
54	25203301409	Phan Nhật Bảo	Kha	04/12/2001	Lâm Đồng	27TBN9	7.3	8.0	
55	25203301368	Võ Nguyễn Ngọc	Khánh	26/04/2001	Quảng Ngãi	27TBN9	5.3	8.3	
56	24217206250	Trần Hoàng Đình	Khiêm	27/01/2000	Đà Nẵng	27TBN9	5.3	5.0	
57	25212117287	Mai Đăng	Khoa	17/04/2001	Quảng Bình	27TBN9	5.0	5.0	
58	25203217241	Nguyễn Trần Thy	Khuê	29/03/2001	Đà Nẵng	27TBN9	5.7	6.3	
59	25202612432	Huỳnh Thị Huệ	Linh	16/02/2000	Quảng Nam	27TBN9	5.3	5.5	
60	25202103367	Lê Ngọc	Linh	28/12/2001	Đà Nẵng	27TBN9	5.3	6.0	
61	24207211327	Nguyễn Thị Phương	Mai	02/01/2000	Quảng Bình	27TBN9	6.0	6.8	

Nguyễn Thị Phương

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
62	24217104336	Lương Văn	Nam	15/04/2000	Quảng Nam	27TBN9	5.7	6.3	
63	24215415874	Nguyễn Ngọc Phương	Nam	22/05/2000	Kiên Giang	27TBN9	7.7	5.5	
64	25217105278	Nguyễn Văn	Nhật	15/07/2001	Quảng Nam	27TBN9	8.0	5.0	
65	25203308368	Trần Thị Kiều	Oanh	30/08/2001	Quảng Nam	27TBN9	8.0	5.3	
66	24207106700	Phan Thị Minh	Phúc	06/08/2000	Quảng Nam	27TBN9	9.0	5.5	
67	25213410571	Nguyễn Văn	Phước	10/07/2001	Quảng Nam	27TBN9	7.0	8.0	
68	25212107007	Phạm Hồng	Quân	04/09/2001	Quảng Bình	27TBN9	6.0	5.3	
69	25212113790	Cao Nguyễn Hoàng	Quốc	12/08/2001	Thừa Thiên Huế	27TBN9	6.3	8.0	
70	24217215576	Lê Trần Việt	Thắng	16/10/2000	Thừa Thiên Huế	27TBN9	6.7	6.0	
71	25203108529	Huỳnh Thị Hoài	Thương	20/10/2001	Đà Nẵng	27TBN9	7.0	9.1	
72	25207109045	Võ Thị	Thy	19/04/2001	Quảng Nam	27TBN9	6.0	8.6	
73	24205402537	Đỗ Thị Bích	Trâm	27/01/2000	Quảng Nam	27TBN9	8.0	5.8	
74	25202114958	Nguyễn Thị Thuý	Trâm	11/04/2001	Quảng Nam	27TBN9	6.3	7.3	
75	24217103980	Huỳnh Văn	Tùng	03/07/2000	Đà Nẵng	27TBN9	8.3	8.0	
76	24217208476	Nguyễn Thanh	Tùng	10/04/2000	Đà Nẵng	27TBN9	7.0	5.9	
77	24202505353	Nguyễn Thu	Uyên	05/02/1996	Đà Nẵng	27TBN9	6.7	6.5	
78	25211215612	Phạm Quốc	Vỹ	28/09/2001	Quảng Nam	27TBN9	5.0	5.9	
79	24207104041	Phạm Thị Như	Ý	01/12/2000	Đắk Lắk	27TBN9	7.7	5.4	
80	25202611836	Nguyễn Thị	Hoài	02/08/2001	Hà Tĩnh	27THT1	5.3	8.8	
81	25202616469	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	08/08/2001	Quảng Trị	27THT1	6.3	9.0	
82	25202616331	Nguyễn Khánh	Nhung	08/10/2001	Quảng Trị	27THT1	8.3	9.0	
83	25202613626	Trần Thị Hồng	Phúc	06/11/2001	Huế	27THT1	7.7	9.0	
84	2320860908	Trần Thị Phương	Thảo	17/08/1999	Quảng Trị	27THT1	5.3	5.5	
85	24214107560	Dương Quang	Triều	20/09/2000	Kon Tum	27THT4	8.0	5.3	
86	24206615856	Nguyễn Trần Phương	Thảo	22/07/2000	Quảng Nam	27THT6	10.0	9.5	
87	24205208371	Ngô Thị Mỹ	Duyên	01/08/2000	Quảng Nam	27THT7	9.7	7.0	
88	24205102211	Đậu Thị Ngọc	Anh	29/05/2000	Hà Tĩnh	27THT8	7.3	8.1	
89	24205107349	Nguyễn Thị Thanh	Châu	05/04/2000	Đà Nẵng	27THT8	6.3	7.8	
90	24215104933	Hồ Văn	Hà	20/07/2000	Đà Nẵng	27THT8	7.0	8.9	
91	25202616324	Nguyễn Thị Khánh	Hằng	24/04/2001	Kon Tum	27THT8	8.3	7.0	
92	25202215915	Trần Thị Hồng	Hạnh	11/01/2001	Đà Nẵng	27THT8	7.0	5.8	
93	24215108303	Trịnh Văn	Hoan	15/07/1991	Phú Yên	27THT8	7.0	8.3	
94	24205115633	Lê Thị Diệu	Huyền	08/12/2000	Quảng Bình	27THT8	9.3	6.3	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
128	2220532305	Ngô Nguyễn Mai	Linh	15/02/1998	Đà Nẵng	27TSC7	9.3	9.6	
129	24202801252	Phạm Nguyễn Trà	My	21/01/2000	Quảng Ngãi	27TSC7	10.0	5.0	
130	1921619171	Bùi Hữu	Nam	11/04/1994	Quảng Bình	27TSC7	8.7	5.5	
131	2221532466	Trịnh Bà	Ngà	22/06/1998	Quảng Nam	27TSC7	10.0	8.3	
132	24203107739	Phạm Thị	Ngoan	02/09/2000	Nam Định	27TSC7	9.7	6.4	
133	24217211667	Cao Hữu	Ngọc	02/04/2000	Bình Định	27TSC7	7.7	6.6	
134	2220532360	Nguyễn Ý	Nhi	10/06/1997	Quảng Ngãi	27TSC7	9.0	8.5	
135	2221532366	Lê Thanh	Sỹ	22/10/1998	DakLak	27TSC7	9.7	9.1	
136	24205403714	Trần Thị Thu	Thúy	01/04/2000	Quảng Nam	27TSC7	8.0	6.3	
137	2221532452	Nguyễn Trung	Tín	25/12/1998	Bình Định	27TSC7	8.0	8.3	
138	2220532349	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	23/04/1998	Bình Định	27TSC7	9.7	5.0	
139	24203300142	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	10/10/1999	Quảng Bình	27TSC7	9.0	6.0	
140	24202108479	Tạ Thị Ngọc	Anh	25/07/2000	Đắk Lắk	27TYC2	8.3	5.0	
141	24208602711	Thái Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	18/08/2000	Lâm Đồng	27TYC2	8.0	9.3	
142	24204306598	Võ Thị Trang	Nhung	22/12/2000	Quảng Trị	27TYC2	7.7	8.0	
143	24202500679	Lê Minh	Quỳnh	20/12/2000	Phú Yên	27TYC2	8.3	7.3	
144	24202104565	Nguyễn Thị Thu	Thảo	29/07/2000	Quảng Ngãi	27TYC2	9.7	6.5	
145	24208605163	Nguyễn Khánh	Uyên	04/10/2000	Thừa Thiên Huế	27TYC2	6.7	5.3	
146	24212103840	Nguyễn Văn Việt	Hoàng	07/02/2000	Đắk Lắk	27TYC3	5.7	6.8	
147	24211710980	Ngô Văn	Linh	19/06/2000	Đắk Lắk	27TYC3	6.3	7.8	
148	24205409174	Lương Ngọc	Diệu	15/09/2000	Hồ Chí Minh	27TYC5	6.3	8.0	
149	24205407600	Nguyễn Ngọc	Hồng	08/07/2000	Đắk Lắk	27TYC5	8.3	7.8	
150	2121537096	Đặng Nhật	Anh	12/02/1997	Quảng Trị	27TYC6	7.7	8.3	
151	25207200680	Trần Thị Ánh	Diễm	22/10/2001	Quảng Nam	27TYC6	9.7	6.3	
152	25203109032	Trần Thị	Diệu	29/12/2001	Quảng Nam	27TYC6	7.0	5.8	
153	24212102148	Võ Duy	Đức	07/11/2000	Quảng Trị	27TYC6	6.3	8.4	
154	24208600758	Phạm Thị Mỹ	Duyên	08/11/2000	Đắk Nông	27TYC6	7.7	5.8	
155	24203704030	Mai Thị Xuân	Hà	21/03/2000	Quảng Nam	27TYC6	7.3	6.4	
156	24208609622	Nguyễn Thị	Hà	17/12/2000	Kon Tum	27TYC6	7.0	5.3	
157	24203701005	Nguyễn Thị Thu	Hảo	07/02/2000	Quảng Ngãi	27TYC6	5.3	5.3	
158	24212104195	Nguyễn Thế	Hùng	26/03/2000	Quảng Bình	27TYC6	8.0	7.5	
159	2320520826	Lê Thị	Kiều	28/04/1999	Quảng Ngãi	27TYC6	7.0	7.8	
160	24205207468	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	20/04/2000	Bình Định	27TYC6	7.0	6.5	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUỶ	GHI CHÚ
95	25202205518	Ngô Thị	Huyền	26/06/2001	Quảng Trị	27THT8	7.0	6.4	
96	25202609745	Vũ Thị Kiều	Linh	22/12/2001	Quảng Bình	27THT8	9.0	8.0	
97	24217105166	Lương Thanh	Long	03/02/2000	Đà Nẵng	27THT8	7.7	7.1	
98	25207212975	Phạm Thị	Nga	04/05/2001	Đà Nẵng	27THT8	6.7	8.0	
99	25202605492	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	13/12/2001	Quảng Bình	27THT8	8.7	7.5	
100	25202609354	Trần Thị Bảo	Ngọc	01/06/2001	Quảng Bình	27THT8	6.3	5.3	
101	25207109403	Trần Thị Lệ	Nhật	15/01/2001	Quảng Nam	27THT8	8.0	7.5	
102	24205101487	Lê Thị Mỹ	Oanh	09/02/2000	Phú Yên	27THT8	7.3	5.8	
103	24211415648	Tô Hải	Quân	28/10/2000	Đà Nẵng	27THT8	8.0	5.9	
104	24203202641	Trương Phan Hoàng	Quyên	19/02/2000	Đà Nẵng	27THT8	10.0	5.1	
105	25202109104	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	17/04/2001	Quảng Trị	27THT8	9.3	6.9	
106	25207100033	Trần Nguyễn Diễm	Quỳnh	05/10/2001	Bình Định	27THT8	5.3	7.1	
107	24207215180	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	04/07/2000	Đà Nẵng	27THT8	6.7	8.6	
108	24205115518	Vũ Thị Minh	Tâm	29/08/2000	Đà Nẵng	27THT8	6.3	7.0	
109	24208602367	Mai Thái	Thành	02/08/2000	Quảng Trị	27THT8	5.3	5.9	
110	24205102811	Bùi Thị Anh	Thu	12/09/2000	Lâm Đồng	27THT8	8.7	5.6	
111	24205107414	Lê Thái Bảo	Trâm	02/05/2000	Phú Yên	27THT8	7.7	6.4	
112	24212102325	Tổng Phước	Trung	05/01/2000	Quảng Nam	27THT8	7.7	5.3	
113	24215115317	Nguyễn Lê Anh	Tú	17/04/1999	Quảng Bình	27THT8	6.7	5.0	
114	24207201322	Trương Trần Nhã	Uyên	02/11/2000	Đà Nẵng	27THT8	6.0	7.3	
115	24202106035	Nguyễn Thị Vân	Anh	05/03/2000	Quảng Ngãi	27TSC7	9.3	5.0	
116	24203300577	Nguyễn Thị Bích	Chi	02/10/2000	Quảng Ngãi	27TSC7	10.0	5.1	
117	2221532411	Huỳnh Bá	Duy	04/12/1992	Đà Nẵng	27TSC7	9.7	6.5	
118	24203300033	Hồ Việt	Hà	11/02/1999	Quảng Bình	27TSC7	10.0	8.5	
119	24205407617	Trần Huỳnh Mỹ	Hạnh	01/03/2000	Quảng Ngãi	27TSC7	7.0	5.1	
120	2221532307	Ngô Nguyễn	Hiệp	07/12/1998	Quảng Nam	27TSC7	9.3	8.6	
121	2220532358	Cao Nguyễn Thị Hồng	Hiếu	08/07/1998	Quảng Nam	27TSC7	9.7	9.5	
122	2220532333	Đặng Trần Minh	Hiếu	16/08/1998	Hồ Chí Minh	27TSC7	10.0	7.3	
123	2221532391	Phan Trọng	Hiếu	27/05/1998	Đắk Nông	27TSC7	10.0	6.3	
124	2220532322	Lê Thị Kim	Khánh	01/01/1998	DakLak	27TSC7	9.7	6.0	
125	24203204234	Nguyễn Lê Kim	Khánh	22/02/1999	Đà Nẵng	27TSC7	10.0	8.0	
126	24203105962	Huỳnh Thị Mỹ	Kim	29/06/2000	Quảng Nam	27TSC7	10.0	7.1	
127	2220532338	Phương Thị Ngọc	Lan	31/08/1998	Lâm Đồng	27TSC7	9.7	8.3	

STT	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THỬ	GHI CHÚ
161	2320529078	Nguyễn Ngọc Kiều Linh	21/10/1999	Quảng Nam	27TYC6	6.7	7.6	
162	25217204465	Nguyễn Đức Long	28/09/2001	Quảng Nam	27TYC6	7.0	7.8	
163	25217203014	Võ Đình Long	24/10/2001	Gia Lai	27TYC6	6.7	9.8	
164	25203102196	Nguyễn Hồ Thiên Lý	08/09/2001	Quảng Ngãi	27TYC6	7.0	6.8	
165	24202105254	Võ Thị Mỹ Ngân	07/08/2000	Quảng Ngãi	27TYC6	5.7	5.0	
166	24205206433	Nguyễn Sông Pha	20/02/2000	Bình Định	27TYC6	7.3	7.0	
167	25217203050	Nguyễn Thành Phương	24/06/2001	Quảng Nam	27TYC6	6.7	8.3	
168	24203112766	Đặng Thị Kim Quyển	10/08/2000	Quảng Nam	27TYC6	9.7	7.3	
169	25203113874	Nguyễn Như Quỳnh	10/11/2001	Quảng Nam	27TYC6	7.0	5.3	
170	25217204853	Nguyễn Quyết Thắng	02/03/2001	Quảng Bình	27TYC6	7.3	8.0	
171	25207205821	Dương Trần Thanh Thủy	05/08/2001	Thừa Thiên Huế	27TYC6	10.0	6.5	
172	24207215611	Nguyễn Thu Thủy	17/03/2000	Quảng Trị	27TYC6	8.0	8.3	
173	24212107910	Ngô Tấn Tiến	21/03/2000	Quảng Nam	27TYC6	8.3	7.0	
174	25207202592	Phan Thị Kiều Trinh	11/01/2001	Quảng Nam	27TYC6	5.3	5.3	
175	24203707939	Trần Thị Trinh	25/05/2000	Hà Tĩnh	27TYC6	7.7	5.0	
176	24203114957	Bùi Thị Kim Yên	22/10/2000	Quảng Nam	27TYC6	9.7	5.0	
177	25207210378	Nguyễn Thị Ngọc Yên	30/09/2001	Quảng Bình	27TYC6	6.0	8.5	

Tổng số HV Đạt: 177

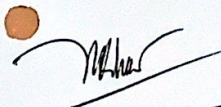
LẬP BẢNG

TRUNG TÂM TIN HỌC

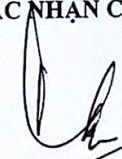
XÁC NHẬN CỦA P. KH-TC

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG









Nguyễn Lê Quế Châu Dương Trương Quốc Khánh

Mai Hoàng Hải

TS. Nguyễn Phi Sơn